

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Ông Lê Văn Xiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1966. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Phạm Văn Đ, sinh năm 1961. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn Đ kết hôn vào năm 1986 đến năm 1996 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện M (nay là huyện B), tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mất hạnh phúc.

Nguyên nhân do ông Đ không lo làm ăn, nhậu nhẹt. Bà đã nhiều lần khuyên ông Đ nhưng ông không thay đổi. Nay bà không còn tình cảm vợ chồng và thấy không thể duy trì hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Đ có 02 con chung tên Phạm Văn A, sinh năm 1987 và Phạm Văn C, sinh năm 1993, hiện các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Văn Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ cư trú tại ấp N, xã N1, huyện B, tỉnh Bến Tre, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/5/2019; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Phạm Văn Đ:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông Đ không quan tâm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của ông Đ và bà L đã tồn tại một thời gian dài, đã có với nhau hai con chung nhưng ông bà không biết vun đắp tình cảm, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ mà ngược lại đã để cho những mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng dẫn đến bà L đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự được biết để tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ còn bà L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L và ông Đ ly hôn nhau.

Về con chung: Bà L và ông Đ có 02 con chung tên Phạm Văn A, sinh năm 1987 và Phạm Văn C, sinh năm 1993 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định bà và ông Đ có tài sản chung nhưng ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông bà không có nợ chung. Ông Đ đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung trong cùng vụ án.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn Đ có 02 con chung tên Phạm Văn A, sinh năm 1987 và Phạm Văn C, sinh năm 1993 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000410 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã N1 (288; 1996), (1b);
- Đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Văn Đĩnh